

Bản án số: 794/2020/DS-PT
Ngày: 24-8-2020
Về việc: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Đức Nam

2. Bà Mai Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí M

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M tham gia
phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí M xét xử phúc thẩm C1 khai vụ án dân sự thụ lý số 574/2019/TLPT-DS
ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 450/2019/DS-ST ngày 09/10/2019 của Tòa
án nhân dân quận TB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3530/2020/QĐ-PT ngày
15/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số
8210/2020/QĐDS-PT ngày 31/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông **Trần Ngọc H**, sinh năm 1996;

1.2 Bà **Trần Thảo L**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Số 184/7 Lý Chính Thắng, Phường C, Quận B, Thành phố
Hồ Chí M.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M T, sinh năm
1968.

Địa chỉ: Số 230 Trần Hưng Đạo, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn:

2.1 Ông **Hoàng Bình M**, sinh năm 1960;

2.2 Bà **Nguyễn Thị C1**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 888/3 Lạc Long Quân, Phường T1, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Trung T2 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Đại Chúng - Số 945/31/27 Quốc lộ 1A, Khu phố 1, phường A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:*

3.1 Ông Trần Ngọc H, và bà Trần Thảo L– Nguyên đơn;

3.2 Ông Hoàng Bình M và bà Nguyễn Thị C1 –Bị đơn.

NHẬN THẤY:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi theo 3 giấy mượn tiền đề ngày 02/4/2011, ngày 01/7/2011 và ngày 19/12/2011, cụ thể:

- Giấy mượn tiền ngày 02/4/2011 có nội dung: “... bà Nguyễn Thị C1 và ông Hoàng Bình M có vay của bà Nguyễn Thị Kim C4 số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng..”, hai bên không thỏa thuận lãi suất và có ấn định khi nào bà C4 cần báo trước 01 tháng;

- Giấy mượn tiền ngày 01/7/2011 có nội dung: “... bà Nguyễn Thị C1 và ông Hoàng Bình M có vay của bà Nguyễn Thị Kim C4 số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng...”. Hai bên có ấn định trả lãi hàng tháng, nhưng không cụ thể mức lãi suất và ấn định thời gian trả nợ. Trong giấy này có phần nội dung “ Từ tháng 03/2012 chị C1 ngưng trả lãi...”;

- Giấy ngày 19/12/2011 có nội dung, “... bà Nguyễn Thị C1 có mượn của bà C4 số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng...”, hai bên không thỏa thuận lãi suất và không ấn định thời gian trả. Trong giấy này ông M cùng với bà C1 ký và ghi rõ họ tên ở phần người mượn.

* *Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2019; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/7/2019 và Đơn yêu cầu thay đổi nội dung đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/8/2019, Bản tự khai và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L có bà Nguyễn Thị Minh T đại diện trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim C4 (sinh năm 1962, chết năm 2019), có chồng tên Trần Ngọc Châu, đã L hôn theo Quyết định giải quyết yêu cầu thuận tình L hôn số 51/2011/QĐST-HNGĐ-VDS-TL ngày 30/03/2011 của Tòa án nhân dân Quận 3 và 02 người con chung tên Trần Ngọc H và Trần Thảo L.

Theo 03 giấy nợ trên ông M và bà C1 nợ bà C4 tổng cộng 2.5000.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng. Từ năm 2012 đến nay ông M và bà C1 không trả tiền vốn và tiền lãi. Tháng 11/2018, bà C4 có thuê C1 ty Song Việt thực hiện việc đòi nợ đối với ông M và bà C1 nhưng ông M, bà C1 không trả.

Ông H và bà L kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C4 yêu cầu Tòa án buộc ông M, bà C1 trả một lần cả vốn và lãi số tiền 3.515.500.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực, cụ thể:

- Vốn: 2.500.000.000 đồng;

- Lãi: T2 từ ngày 01/4/2012 đến ngày 09/10/2019 là 7 năm 6 tháng 8 ngày theo mức lãi suất 9%/năm x 1.500.000.000 đồng x (7 năm 6 tháng 8 ngày) = 1.015.500.000 đồng.

Đối với phần tiền lãi của 02 giấy nợ ngày 2/4/2011 và ngày 19/12/2011, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

** Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 12/9/2019, bị đơn ông Hoàng Bình M và bà Nguyễn Thị C1 cùng trình bày:*

Thời gian từ năm 2006 đến năm 2012, bà C4 làm việc tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương (Vietcombank). Do cần vốn để kinh doanh, không biết làm thủ tục vay ngân hàng nên ông bà có nhờ bà C4 làm hồ sơ vay nợ tại Vietcombank. Để vay được tiền, ông bà có thỏa thuận miệng với bà C4 cụ thể hàng tháng ngoài việc trả lãi cho ngân hàng, ông bà phải trả cho bà C4 2%/tháng trên số tiền bà C4 xin giải ngân cho ông bà. Hàng tháng nếu có tiền trả thì thôi, còn không thì 2%/tháng đó quy thành tiền nợ gốc và phải trả thêm 3%/tháng trên số tiền nợ gốc này.

Do việc kinh doanh thất bại, không có tiền trả nên ông bà có viết 3 giấy nợ trên. Thực tế ông bà không có vay nợ của bà C4, 03 khoản tiền ghi trong 03 giấy nợ trên là tiền lãi của nhiều tháng cộng dồn lại.

Tháng 03/2012, vì cần giải chấp giấy tờ nhà nên ông bà đã vay tiền của người khác để trả 04 tháng tiền lãi cho bà C4 là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, khi giao tiền này hai bên không làm chứng từ. Tháng 4/2012 ông bà không có khả năng chi trả lãi nữa, bà C4 thuê C1 ty đòi nợ đến đòi nợ ông bà. Bà C4 chết, các con bà C4 không còn khả năng chi trả. Nếu các con bà C4 chấp nhận thì ông bà chỉ trả 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng và sẽ trả ngay trong vòng 10 ngày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M và bà C1 đề nghị trả cho các con bà C4 số tiền 1.250.000.000 (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu) đồng trong vòng 45 ngày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 450/2019/DS-ST ngày 09/10/2019, Tòa án nhân dân quận TB đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Hoàng Bình M và bà Nguyễn Thị C1 cùng có trách nhiệm trả cho ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L số tiền 3.515.500.000 (Ba tỷ năm trăm mười lăm triệu năm trăm ngàn) đồng, trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền 2.515.500.000 (Hai tỷ năm trăm mười lăm triệu năm trăm) đồng, trong đó: tiền vốn 1.500.000.000 đồng và tiền lãi 1.015.500.000 (Một tỷ không trăm mười lăm triệu năm trăm ngàn) đồng của giấy vay tiền 01/7/2011. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Đối với số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng của 02 giấy nợ của ngày 02/4 và 19/12/2011, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với khoản tiền lãi của 02 giấy nợ ngày 02/4/2011 và ngày 19/12/2011.

Ngoài ra bản án còn có phần quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/10/2019, nguyên đơn ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L, bị bị đơn bà Nguyễn Thị C1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Nguyên đơn ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L có bà Nguyễn Thị M T đại diện trình bày:

Nguyên đơn ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị C1 thay đổi nội dung kháng cáo và có lời trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim C4 trước đây là Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Bình Tây, bà và bà C4 bắt đầu giao dịch với nhau từ năm 2006. Thực tế vợ chồng bà không có nhận tiền mặt theo nội dung 3 giấy mượn tiền trên. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận cho bà trả 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng tiền gốc và không phải trả lãi theo nội dung 03 giấy nợ đã ký như bản án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị xem xét miễn án phí cho bà.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị C1 thừa nhận là không có nhận tiền, bà C1 vì đã muốn yên chuyện nên mới đồng ý trả. Giấy nhận nợ không ghi rõ việc nhận tiền và mối quan hệ của hai bên là có quá trình vay vốn, nguyên đơn không chứng M cụ thể việc giao nhận tiền. Theo giấy nhận nợ, có ghi tiền lãi nhưng khi yêu cầu thì phần lãi đã hết thời hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C1.

* Bị đơn, ông Hoàng Bình M cùng ý kiến với bà C1 và Luật sư.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí M phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C1 không có cơ sở, đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bà C1, sửa 01 phần Bản án dân sự sơ thẩm số 450/2019/DS-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân quận TB tại phần án phí dân sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà C1; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn do rút kháng cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và qua kết quả tranh luận của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Ngày 09/10/2019, Tòa án nhân dân quận TB tiến hành xét xử và tuyên án. Ngày 24/10/2019, nguyên đơn ông Trần Ngọc H, bà Trần Thảo L và bị đơn bà Nguyễn Thị C1 thực hiện quyền kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 272; Khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị C1 còn

trong thời hạn, đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện:

Theo nội dung 03 giấy mượn tiền ngày 02/4/2011, ngày 01/7/2011 và ngày 19/12/2011, bị đơn ông Hoàng Bình M và bà Nguyễn Thị C1 xác nhận có vay mượn tiền của bà C4 tổng cộng là 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng, trong 03 giấy không có ấn định thời gian trả nợ. Bà C4 chết ngày 28/01/2019, nguyên đơn ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L là con của bà C4 kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án, kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn có cung cấp Hợp đồng dịch vụ đòi nợ số 05/11/18/SV-HĐ ngày 08/11/2018 để chứng minh việc bà C4 có thông báo đòi nợ trước khi khởi kiện. Ngày 15/02/2019, nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện việc thanh toán tiền nợ và tiền lãi theo 03 giấy mượn tiền, được Tòa án nhân dân quận TB thụ lý giải quyết. Đây là giao dịch dân sự thuộc quan hệ tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản”, căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Bộ Luật Tố tụng dân sự và Điều 477 Bộ Luật dân sự năm 2005, Điều 429, Điều 688 Bộ Luật dân sự năm 2015, vụ việc còn trong thời hạn khởi kiện, Tòa án nhân dân quận TB thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Tại cấp phúc thẩm, đại diện nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 289 Bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L.

[2.3] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Trong các giấy mượn tiền nêu trên đều có nội dung : “...*vợ chồng tôi...và tôi có vay...có mượn của chị C4...số tiền...khi nào chị C4 cần báo trước 01 tháng vợ chồng tôi sẽ hoàn trả; sẽ trả lãi hàng tháng*”. Các giấy mượn tiền này ông M, bà C1 đều thừa nhận chữ viết và chữ ký. Trong các giấy mượn tiền đều có nội dung ông M, bà C1 có mượn của bà C4 số tiền tổng cộng 2.500.000.000 đồng, giấy mượn tiền 02/04/2011 có ấn định thời gian thông báo đòi nợ trước 01 tháng, giấy mượn tiền ngày 01/7/2011 có ấn định việc trả lãi hàng tháng. Như vậy, giữa ông M và bà C4 đã hình thành việc vay nợ, bà C4 đã giao tiền và ông M, bà C1 đã nhận đủ tiền. Ông M, bà C1 cho rằng thực tế ông bà không nhận tiền mà số nợ của 03 giấy mượn tiền trên là tiền lãi mà ông bà phải trả cho bà C4

2%/ tháng trên số tiền bà C4 xin giải ngân tại Ngân hàng Vietcombank cho ông bà. Ông M, bà C1 không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc giữa ông bà và bà C4 có thỏa thuận này, lời trình bày của ông M, bà C1 không có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm quyết định việc trả nợ vốn và lãi theo 03 giấy mượn nợ trên là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[2.4] Kháng cáo của bà Nguyễn Thị C1 và ý kiến của Luật sư không được chấp nhận. Đề nghị bác kháng cáo của bà C1 của đại diện nguyên đơn và đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Tại Đơn ngày 26/02/2020, đại diện nguyên đơn có yêu cầu rút kháng cáo và được Tòa án chấp nhận. Căn cứ Khoản 4 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nguyên đơn ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L phải chịu ½ án phí dân sự phúc thẩm.

[3.2] Tại các Đơn ngày 21 và 24/ 02/2020, bà C1 và ông M yêu cầu miễn án phí. Ông Hoàng Bình M sinh ngày 07/11/1960, bà Nguyễn Thị C1 sinh ngày 26/7/1960, đến thời điểm xét xử bà C1 đủ 60 tuổi, ông M chưa đủ 60 tuổi. Căn cứ Điều 2 Luật Người Cao tuổi và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà C1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Ông M không được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa 01 phần Bản án dân sự sơ thẩm 450/2019/DS-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân quận TB về án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 272; Khoản 1 Điều 273; Điều 276; Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471; Điều 474; Điều 476 và Điều 477 Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 429 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 2 Luật Người Cao tuổi;

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Khoản 4 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C1.

II. Sửa 01 phần Bản án dân sự sơ thẩm 450/2019/DS-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân quận TB như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Hoàng Bình M và bà Nguyễn Thị C1 cùng có trách nhiệm trả số tiền cho ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L là 3.515.500.000 (Ba tỷ năm trăm mười lăm triệu năm trăm ngàn) đồng, trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền 2.515.500.000 (Hai tỷ năm trăm mười lăm triệu năm trăm) đồng, trong đó: tiền vốn 1.500.000.000 đồng và tiền lãi 1.015.500.000 (Một tỷ không trăm mười lăm triệu năm trăm ngàn) đồng của giấy vay tiền 01/7/2011. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Đối với số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng của 02 giấy nợ của ngày 02/4 và 19/12/2011, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với khoản tiền lãi của 02 giấy nợ ngày 02/4/2011 và ngày 19/12/2011.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị C1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hoàng Bình M phải chịu 51.155.000 (Năm mươi một triệu một trăm năm mươi lăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L 41.000.000 (Bốn mươi một triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038020 ngày 06/3/2019 và 29.625.000 (Hai mươi chín triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00038838 ngày 22/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận TB.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

III. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L.

IV. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị C1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị C1 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0039314 ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB.

- Ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0039321 ngày 01/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB. Hoàn trả cho ông Trần Ngọc H và bà Trần Thảo L số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân quận TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận TB;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phượng